



Ôn Tập Triết - wdsadsad

Triết học mác - Lênin (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

DANH SÁCH CÂU HỎI:

Câu 1. Trình bày nguồn gốc động lực của sự phát triển của thế giới

Câu 2. trình bày cách thức của sự phát triển của thế giới (2 cách)

Câu 3. trình bày khuynh hướng của sự phát triển của thế giới

Câu 4. trình bày vai trò của thực tiễn đối với nhận thức chân lý

Câu 5. trình bày con đường biện chứng nhận thức

Câu 6. trình bày quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người (2 cách)

Câu 7. trình bày quy luật cơ bản tác động đến hình thái kinh tế xã hội

Câu 8. chứng minh vì sao nói sự phát triển các hình thức kinh tế xã hội là 1 quá trình lịch sử tự nhiên (2 cách, cách sau ở sau câu 10)

Câu 9. Trình bày vấn đề CMXH

Câu 10. Vì sao nói đấu tranh giai cấp là 1 trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp

Câu 11. Trình bày vấn đề nhà nước. Vì sao nói nhà nước CHXH chủ nghĩa là nhà nước cuối cùng trong lịch sử, nhà nước nửa nhà nước, nhà nước tự tiêu vong. Giai cấp và nhà nước có cùng tồn tại cùng với lịch sử nhân loại hay không? Vì sao?

Câu 14. vì sao nói bản chất con người là tổng hóa các mối quan hệ xã hội? xây dựng con người VN hiện nay như thế nào?

1. Trình bày nguồn gốc động lực của sự phát triển của thế giới

Khái niệm sự phát triển:

- Phát triển là quá trình vận động từ thấp đến cao, từ kém hoàn

thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở trình độ cao

hơn. Vận động theo khuynh hướng đi lên mới được gọi là phát triển.

- Trong lịch sử phát triển của triết học, có hai phương pháp nhận thức đối lập nhau là phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình. Do đó, khái niệm phát triển theo hai trường phái này cũng có quan điểm khác nhau, cụ thể:

- Quan điểm siêu hình:

- Phủ nhận sự phát triển, tuyệt đối hóa mặt ổn định của sự vật, hiện tượng

- Phát triển chỉ là sự tăng hoặc giảm về mặt lượng, không có sự thay đổi

Phủ nhận sự phát triển, tuyệt đối hóa mặt ổn định của sự vật, hiện

Phủ nhận sự phát triển, tuyệt đối hóa mặt ổn định của sự vật, hiện tượng

Phát triển chỉ là sự tăng hoặc giảm về mặt lượng, không có sự thay đổi về chất, không có sự ra đời của sự vật, hiện tượng mới.

- Quan điểm biện chứng:

- Phát triển là sự vận động theo hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn

Phát triển là sự vận động theo hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện của sự vật.

Sự phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà quanh co phức tạp thậm chí có những bước thụt lùi.

Nguồn gốc, động lực của sự phát triển:

-Nguồn gốc, động lực của sự phát triển là quá trình giải quyết mâu thuẫn trong bản thân sự vật.

Theo đó, nguồn gốc và động lực của sự phát triển xuất phát từ "mâu thuẫn" theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

-Quy trình để dẫn đến phát triển là sự vận động của các sự vật, hiện tượng mà trong đó mâu thuẫn là nguồn gốc của sự vận động.

-Từ xưa đến nay, mỗi mâu thuẫn sẽ bao hàm sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập, làm cho sự vật hiện tượng không thể giữ nguyên trạng thái cũ. Đến một thời điểm nhất định, những mâu thuẫn cũ mất đi thì những mâu thuẫn mới sẽ được hình thành, những sự vật và hiện tượng cũ cũng từ đó mà được thay thế bằng những sự vật, hiện tượng mới.

-Từ mâu thuẫn dẫn đến đấu tranh, sự đấu tranh giữa các mặt đối lập chính là nguồn gốc vận động và phát triển của sự vật và hiện tượng trong xã hội.

Câu 2. trình bày cách thức của sự phát triển của thế giới

Cách thức của sự phát triển:

Cách thức của sự phát triển là chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại.

Nội dung quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại đã giúp ta phân tích được cách thức của sự phát triển.

Nội dung quy luật:

Sự vật là 1 thể thống nhất của 2 mặt chất và lượng. Khi một sự vật đang là nó, chất và lượng thống nhất với nhau ở trong cùng 1 độ. Độ là giới hạn khi sự thay đổi về lượng chưa đủ để dẫn đến sự thay đổi về chất. Trong 1 độ, lượng và chất tác động qua lại với nhau theo xu hướng lượng thay đổi trước, thay đổi từ từ đến điểm nút thì xảy ra bước nhảy, khi bước nhảy xảy ra, sự vật cũ mất đi, cái mới ra đời lại có 2 mặt chất mới và lượng mới. Chất mới xuất hiện sẽ tác động ngược lại tới sự biến đổi về lượng, lượng mới lại biến đổi từ từ đến điểm nút thì xảy ra bước nhảy. Và cứ như vậy là quá trình liên tục và vô tận.

Như vậy, cách thức phát triển là chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại.

Lượng thay đổi trước, lượng thay đổi từ từ sẽ dẫn đến chất thay đổi.

- ⇒ Tất cả sự thay đổi trên thế giới bắt đầu từ sự thay đổi về lượng
- ⇒ Khi chất mới xuất hiện sẽ có những tác động ngược lại sự vật dẫn đến sự thay đổi từ từ về lượng, quá trình xảy ra liên tục và vô tận.

Trường hợp đặc biệt: Lượng thay đổi dẫn đến sự thay đổi ngay về chất. Ví dụ: Các nguyên tố hoá học, chỉ cần thay đổi 1 ion thì sẽ trở thành chất khác

Khi lượng đổi dẫn đến chất đổi -> sinh ra lượng mới, chất mới. Khi chất mới ra đời, lượng mới có thể tăng lên hay giảm đi, tùy trường hợp.

Lượng đổi dẫn đến chất đổi, từ điểm nút trở đi.

Điểm nút: là giới hạn ngay điểm lượng đổi dẫn đến bắt đầu thay đổi về chất gọi là điểm nút.

Độ: là giới hạn khi thay đổi về lượng mà chưa đủ dẫn đến thay đổi về chất.

Bước nhảy: là quá trình chuyển biến từ chất cũ sang chất mới, có thể dần dần hay nhanh chóng, có thể cục bộ hay toàn bộ.

Bước nhảy có đặc điểm là gián đoạn trong liên tục. Bước nhảy làm gián đoạn chất cũ, chấm dứt 1 dạng tồn tại, một giai đoạn tích lũy, thay đổi từ từ, nhưng không chấm dứt quá trình vận động, vì khi bước nhảy xảy ra là chất cũ mất đi, cái mới ra đời lại có 2 mặt chất mới và lượng mới. Lượng mới lại thay đổi từ từ đến điểm nút và lại xảy ra bước nhảy và cứ như vậy là quá trình liên tục và vô tận.

Các hình thức của bước nhảy:

- Căn cứ vào Quy mô của bước nhảy

o Bước nhảy toàn bộ: Thay đổi toàn bộ về chất sự vật là bước nhảy toàn bộ

o Bước nhảy cục bộ: Thay đổi 1 khâu nào đó trong chất sự vật là bước nhảy cục bộ

- Căn cứ vào nhịp độ của bước nhảy

o Bước nhảy dần dần: Là bước nhảy thay đổi dần dần vật chất sự vật trong khoảng thời gian khá lâu dài

o Bước nhảy đột biến: Bước nhảy thay đổi chất trong khoảng thời gian cực ngắn gọi là bước nhảy đột biến.

HOẶC có thể viết theo:

Quy luật những thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại là một trong những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật. Quy luật này chỉ rõ tính chất và cách thức của sự phát triển.

- **Chất:** là phạm trù triết học chỉ tính quy định khách quan, vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính làm cho sự vật là nó, phân biệt với sự vật, hiện tượng khác. Chất được bộc lộ thông qua thuộc tính nhưng chất không đồng nhất với thuộc tính. Tồn tại mang tính khách quan. Sự vật có vô vàn chất khác nhau tùy thuộc vào các bối cảnh lịch sử khác nhau mà nó tồn tại. Chất bị quy định bởi cấu trúc của chính sự vật, hiện tượng đó. Chất không tồn tại thuần túy tách rời sự vật, biểu hiện tính ổn định tương đối của nó.

- **Lượng:** dùng để chỉ tính quy định khách quan của sự vật, hiện tượng về số lượng, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật, hiện tượng. Tồn tại mang tính khách quan. Biểu hiện rất đa dạng, phong phú: có thể lượng hóa dựa trên con số hoặc chỉ biểu hiện bằng tư duy trừu tượng. Một sự vật, hiện tượng có vô vàn lượng khác nhau. Lượng là yếu tố thường xuyên biến đổi.

- **Độ:** giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm chất thay đổi căn bản.

- Điểm nút: mốc (giới hạn) mà sự thay đổi về lượng vượt qua nó sẽ làm chất thay đổi căn bản.

- Bước nhảy: sự chuyển hóa về chất do những thay đổi về lượng trước đó gây ra; Bước nhảy là giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của sự vật, nó tồn tại khách quan, phổ biến, đa dạng.

Câu 3. trình bày khuynh hướng của sự phát triển của thế giới

Phép biện chứng duy vật chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà diễn ra theo một đường xoắn ốc. Lê Nin viết “ Sự phát triển hình như diễn lại những giai đoạn đã qua, nhưng dưới một hình thức khác, ở một trình độ cao hơn (“phủ định của phủ định”) , sự phát triển có thể nói là theo đường xoắn ốc chứ không theo đường thẳng”.

Quy luật phủ định của phủ định giúp ta phân tích và chứng minh được khuynh hướng của sự phát triển.

Nội dung quy luật phủ định của phủ định:

Khái niệm phủ định biện chứng: Cái mới ra đời thay thế cái cũ được gọi là phủ định.

Trong phủ định có 2 loại là biện chứng và siêu hình.

-Phủ định siêu hình là phủ định gán ghép từ bên ngoài vào, không tạo tiền đề cho sự phát triển. Ví dụ: gió bão làm cây cối đổ, phun thuốc trừ sâu diệt cỏ....

-Phủ định biện chứng: Nguyên nhân và kết quả nằm ngay trong lòng sự vật, tạo tiền đề cho sự ra đời cái mới, và cái mới thường tiến bộ hơn so với cái cũ. Ví dụ: con cái từ cha mẹ, quả trứng từ con gà, con gà từ quả trứng...

Ta có định nghĩa phủ định biện chứng như sau: Là sự phủ định mà nguyên nhân của quá trình này nằm ngay trong bản thân sự vật tạo tiền đề cho sự ra đời của cái mới, tiến bộ hơn so với cái cũ, giải quyết nguyên nhân, giải quyết mâu thuẫn vốn có ở trong lòng sự vật mà không phải gán ghép từ bên ngoài vào.

Đặc điểm của phủ định biện chứng:

-Tính khách quan: Phủ định là tự phủ định, nguyên nhân phủ định nằm ngay trong lòng sự vật, giải quyết mâu thuẫn vốn có ở ngay trong lòng sự vật, chuyển hoá từ thay đổi về lượng thành thay đổi về chất và ngược lại. Điều này có nghĩa rằng quá trình phủ định xảy ra không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người, cá nhân, giai cấp, của bất kỳ ai.

-Tính kế thừa: Bởi vì phủ định biện chứng xảy ra trong lòng sự vật, đưa đến sự ra đời của cái mới, mà cái mới ra đời dựa trên cái cũ, cho nên, nó không thể phủ định sạch trơn cái cũ, nó vẫn kế thừa từ cái cũ những mặt tích cực, có thuận lợi cho sự phát triển. Ví dụ: con cái ra đời từ cha mẹ, tiếp thu những mặt tiến bộ của cha mẹ, loại bỏ những mặt tiêu cực.

Phát triển là một quá trình phủ định liên tục từ thấp đến cao. Bởi vì không có cái mới nào tồn tại vĩnh hằng. Bất kỳ sự vật nào ra đời là cái mới, sau đó trở thành cái cũ, và bị

sự vật khác phủ định. Từ đó có thể khẳng định rằng: Phủ định biện chứng là một dây chuyền liên tục và vô tận trong tất cả lĩnh vực của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Qua 2 lần phủ định liên tiếp sẽ tạo thành vòng khâu của sự phát triển.

$$A - B - A'$$

(-Theo quy luật: Lần 1, hướng vào phê phán cái ban đầu là A, cho nên ra đời đối lập với A cả nội dung và hình thức là B.

-Lần 2, hướng vào phê phán cái phủ định là B. Cho nên đối lập với B cả nội dung hình thức là A, nhưng không hoàn toàn là A thì là A', không thể là C, D. Lần thứ 2 phê phán cái phủ định là B, đồng thời giữ lại cái tích cực ban đầu là A, cho nên ra đời A', dường như lặp lại cái ban đầu nhưng ở 1 cấp độ cao hơn, tiến bộ hơn là A'.) có thể bỏ

VD: Hạt thóc – cây lúa – nhiều hạt thóc Quả trứng – con gà – nhiều quả trứng

Như vậy, qua 2 lần phủ định liên tiếp, sự vật gần như lặp lại cái ban đầu nhưng ở một cơ sở mới tiến bộ hơn.

Có trường hợp sau 3-4 lần phủ định sự vật mới lặp lại cái ban đầu.

VD: Trứng tằm – con tằm - con nhộng – bướm – trứng tằm

Cộng sản nguyên thủy - nô lệ - phong kiến – tư bản chủ nghĩa- Cộng sản chủ nghĩa

⇒ Toàn bộ các lần phủ định ở giữa được quy thành một lần phủ định duy nhất nhưng thông qua nhiều khâu trung gian. Như vậy, hai lần liên tiếp là xét cho tới cuối cùng, sự vật A' ra đời mang hai đặc điểm: một đặc điểm tích cực của A, một đặc điểm là cơ sở mới cao hơn.

Như vậy, con đường phát triển là con đường xoắn ốc, chỉ con đường xoắn ốc thì sự vật mới ra đời mới mang theo đặc điểm của sự vật ban đầu và đồng thời mang đặc điểm cơ sở mới cao hơn.

Như vậy, tổng hợp toàn bộ các vòng khâu phát triển được con đường phát triển sự vật là con đường xoắn ốc.

Câu 4. trình bày vai trò của thực tiễn đối với nhận thức chân lý

Đối với nhận thức, thực tiễn đóng vai trò là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý, kiểm tra tính đúng đắn của quá trình nhận thức chân lý:

– Thực tiễn là nguồn gốc, cơ sở của nhận thức:

Thông qua hoạt động thực tiễn, con người nhận biết được cấu trúc; tính chất và các mối quan hệ giữa các đối tượng để hình thành tri thức. Hoạt động thực tiễn bổ sung và điều chỉnh những tri thức đã được khái quát. Thực tiễn đề ra nhu cầu, nhiệm vụ, cách thức và khuynh hướng vận động và phát triển của nhận thức. Chính sự tác động đó đã làm cho các đối tượng bộc lộ những thuộc tính, những mối liên hệ và các quan hệ khác nhau giúp cho con người nhận thức được các quy luật vận động và phát triển của thế giới. Trên cơ sở đó hình thành các lý thuyết khoa học.

- Thực tiễn là động lực của nhận thức:

Hoạt động thực tiễn góp phần hoàn thiện các giác quan, tạo ra khả năng phản ánh nhạy bén, chính xác, nhanh hơn; tạo ra các công cụ, phương tiện để tăng năng lực phản ánh của con người đối với tự nhiên. Những tri thức được áp dụng vào thực tiễn đem lại động lực kích thích quá trình nhận thức tiếp theo.

+ Thực tiễn sản xuất vật chất và cải biến thế giới đặt ra yêu cầu buộc con người phải nhận thức về thế giới.

+ Thực tiễn làm cho các giác quan, tư duy của con người phát triển và hoàn thiện, từ đó giúp con người nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về thế giới.

- Thực tiễn là mục đích của nhận thức:

+ Mục đích cuối cùng của nhận thức là giúp con người hoạt động thực tiễn nhằm cải biến thế giới. Nhận thức không chỉ thoả mãn nhu cầu hiểu biết mà còn đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực hoạt động để đưa lại hiệu quả cao hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người. Thực tiễn luôn vận động, phát triển nhờ đó, thực tiễn thúc đẩy nhận thức vận động, phát triển theo.

+ Chỉ có thông qua hoạt động thực tiễn, thì tri thức con người mới thể hiện được sức mạnh của mình, sự hiểu biết của con người mới có ý nghĩa. Bằng thực tiễn mà kiểm chứng nhận thức đúng hay sai, khi nhận thức đúng thì nó phục vụ thực tiễn phát triển và ngược lại.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý:

+ Bằng thực tiễn mà kiểm chứng nhận thức đúng hay sai. Khi nhận thức đúng thì nó phục vụ thực tiễn phát triển và ngược lại. Như vậy, thực tiễn là thước đo chính xác nhất để kiểm tra tính đúng đắn của tri thức, xác nhận tri thức đó có phải là chân lý hay không.

- Thực tiễn là hoạt động vật chất tất yếu, khách quan, độc lập với nhận thức, thúc đẩy nhận thức phát triển và chịu sự kiểm nghiệm của thực tiễn.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn đánh giá tri thức, bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện nhận thức.

- Thực tiễn là điểm xuất phát và yếu tố quyết định sự phát triển của nhận thức, cũng là nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn của nhận thức.

- Xa rời thực tiễn dẫn đến chủ quan, duy ý chí, giáo điều và quan liêu.

- Nắm vững nguyên tắc về tính cụ thể của chân lý là quan trọng trong nhận thức và thực tiễn. Nhận thức là tri thức về quy luật của hiện thực và thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức.

- Tiêu chuẩn thực tiễn vừa tuyệt đối vừa tương đối.

- Chân lý khách quan đòi hỏi nhận thức từ chưa biết đầy đủ đến biết đầy đủ hơn.

- Thực tiễn chứng minh chân lý và sức mạnh của tư duy.

- Thực tiễn tồn tại dưới nhiều hình thức, nên kiểm nghiệm tri thức cũng khác nhau, có thể là thực nghiệm hoặc áp dụng phát minh.

Câu 5. trình bày con đường biện chứng nhận thức

Theo triết học Mác – Lênin, nhận thức không phải là sự phản ánh thụ động, giản đơn, mà là một quá trình biện chứng.

Theo Lênin: *“Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan”*.

Theo đó, con đường biện chứng của quá trình nhận thức gồm hai khâu sau:

+ Nhận thức cảm tính bao gồm: Cảm giác; Tri giác; Biểu tượng

+ Nhận thức lý tính bao gồm: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận

Cụ thể như sau:

– Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động) là những tri thức do các giác quan mang lại. Nét đặc trưng cơ bản ở giai đoạn này là nhận thức được thực hiện trong mối liên hệ trực tiếp với thực tiễn thông qua các nấc thang cảm giác, tri giác, biểu tượng. Các thành phần của nhận thức cảm tính như sau:

+ Cảm giác là tri thức được sinh ra do sự tác động trực tiếp của sự vật, hiện tượng lên các giác quan của con người. Cảm giác phản ánh từng mặt, từng khía cạnh, từng thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng. Nguồn gốc và nội dung của cảm giác là thế giới khách quan, còn bản chất của cảm giác là hình ảnh chủ quan về thế giới đó.

+ Tri giác là sự tổng hợp của nhiều cảm giác riêng biệt vào một mối liên hệ thống nhất tạo nên một hình ảnh tương đối hoàn chỉnh về sự vật, hiện tượng.

+ Biểu tượng được hình thành nhờ sự phối hợp hoạt động, bổ sung lẫn nhau của các giác quan và đã có sự tham gia của các yếu tố phân tích, trừu tượng và khả năng ghi nhận thông tin của não người. Đây là nấc thang cao và phức tạp nhất của giai đoạn nhận thức cảm tính; là hình ảnh cảm tính tương đối hoàn chỉnh về sự vật, hiện tượng được lưu lại trong não người và do tác động nào đó được tái hiện lại khi sự vật, hiện tượng không còn nằm trong tầm cảm tính. Trong biểu tượng đã có những phản ánh gián tiếp về sự vật, hiện tượng và với biểu tượng, con người đã có thể hình dung được sự khác nhau và mâu thuẫn nhưng chưa nắm được sự chuyển hóa từ sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng khác.

– Nhận thức lý tính

Nhận thức lý tính bắt nguồn từ trực quan sinh động và từ những lý luận truyền lại. Nhận thức lý tính phản ánh sâu sắc, chính xác và đầy đủ hơn về khách thể nhận thức. Các thành phần của nhận thức lý tính bao gồm:

+ Khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng. Khái niệm vừa có tính khách quan, vừa có tính chủ quan khi phản ánh cả một tập hợp những thuộc tính cơ bản có tính bản chất và chung nhất của sự vật, hiện tượng nhờ sự tổng hợp, khái quát biện chứng những thông tin đã thu nhận được về sự vật, hiện tượng thông qua hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức

+ Phán đoán là hình thức tư duy liên kết các khái niệm lại với nhau để khẳng định hoặc phủ định một đặc điểm, một thuộc tính nào đó của sự vật, hiện tượng; là hình thức phản ánh mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan vào ý thức của con người tạo nên vai trò của phán đoán là hình thức biểu hiện và diễn đạt các quy luật khách quan

+ Suy luận (suy lý) là hình thức của tư duy liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra tri thức mới theo phương pháp phán đoán cuối cùng được suy ra từ những phán đoán tiền đề (suy luận là quá trình đi từ những phán đoán tiền đề đến một phán đoán mới).

Suy luận có vai trò quan trọng trong tư duy trừu tượng, bởi nó thể hiện quá trình vận động của tư duy đi từ cái đã biết đến nhận thức gián tiếp cái chưa biết.

Câu 6. trình bày quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người

- Theo phép biện chứng duy vật, mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy đều tuân theo ba quy luật cơ bản, đó là: Quy luật chuyển hoá từ những biến đổi về lượng dẫn tới những biến đổi về chất và ngược lại; Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; Quy luật phủ định của phủ định.

- Vị trí của mỗi quy luật đối với các quá trình vận động, phát triển:

+ Quy luật chuyển hoá từ những biến đổi về lượng dẫn tới những biến đổi về chất là quy luật về phương thức cơ bản của vận động, phát triển. Phương thức đó là từ những quá trình thay đổi về lượng của sự vật tất yếu sẽ dẫn tới những thay đổi về chất và ngược lại, chất mới lại tạo ra những điều kiện mới làm cho lượng của sự vật mới có những biến đổi mới,...

Ví dụ, quá trình tích tụ “tư bản” (vốn đầu tư kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận) đến một giới hạn cần thiết sẽ có thể nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; ngược lại, sự tăng cường sức cạnh tranh của nó lại tiếp tục tạo ra khả năng tăng cường tốc độ và quy mô tích tụ tư bản mới,...

+ Quy luật thống nhất và đấu tranh của (giữa) các mặt đối lập là quy luật về nguồn gốc, động lực cơ bản của mọi quá trình vận động, phát triển. Theo quy luật này sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập (“mâu thuẫn” hiểu theo nghĩa biện chứng) đóng vai trò là nguồn gốc, động lực cơ bản của mọi quá trình vận động phát triển.

Ví dụ, quá trình phát triển của các giống loài có nguồn gốc, động lực cơ bản từ sự vận động của hệ thống mâu thuẫn giữa cơ thể sống và môi trường, đồng hoá và dị hoá, biến dị và di truyền,...

+ Quy luật phủ định của phủ định là quy luật về khuynh hướng chung của mọi sự phát triển. Theo quy luật này, mọi quá trình phát triển đều diễn ra theo khuynh hướng cơ bản là vận động từ thấp đến cao thông qua nhiều lần phủ định biện chứng - đó cũng chính là quá trình diễn ra theo tính chu kỳ - chu kỳ có tính chất “phủ định của phủ định”.

Ví dụ, quá trình tái sản xuất xã hội: ...{- sản xuất [- phân phối - trao đổi - tiêu dùng -] - sản xuất}...

HOẶC có thể ghi:

- Theo phép biện chứng duy vật, mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy đều tuân theo ba quy luật cơ bản, đó là: Quy luật chuyển hoá từ những biến đổi về lượng dẫn tới những biến đổi về chất và ngược lại; Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; Quy luật phủ định của phủ định.

1. Quy luật mâu thuẫn (Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập)

Quy luật này cho rằng mọi sự vật và hiện tượng trong xã hội đều chứa đựng mâu thuẫn nội tại. Sự phát triển xã hội là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn giữa các lực lượng đối lập. Trong xã hội, mâu thuẫn chính giữa các giai cấp là động lực chính của sự phát triển.

Ví dụ, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản trong chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự phát triển của xã hội và cuối cùng dẫn đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Quy luật phủ định của phủ định

Quy luật này chỉ ra rằng sự phát triển diễn ra theo con đường xoắn ốc, thông qua quá trình phủ định cái cũ và thay thế bằng cái mới, nhưng ở mức độ cao hơn. Điều này có nghĩa là xã hội phát triển không phải theo đường thẳng mà theo một quá trình phức tạp, trong đó các yếu tố cũ bị thay thế nhưng vẫn giữ lại những yếu tố tích cực của chúng trong một hình thức mới.

3. Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất

Quy luật này khẳng định rằng sự phát triển xảy ra thông qua các biến đổi về lượng dẫn đến các biến đổi về chất. Khi các thay đổi về lượng tích tụ đến một mức độ nhất định, chúng sẽ dẫn đến một bước nhảy về chất. Trong xã hội, khi sự tích tụ của các mâu thuẫn và các điều kiện khách quan đạt đến mức độ nhất định, một cuộc cách mạng xã hội sẽ xảy ra và dẫn đến sự thay đổi về chất của xã hội.

4. Quan điểm duy vật lịch sử

Triết học Mác-Lênin cho rằng sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tất yếu, dựa trên sự phát triển của các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Các giai đoạn phát triển của xã hội loài người được xác định bởi hình thái kinh tế - xã hội cụ thể:

- **Cộng sản nguyên thủy:** Xã hội không có giai cấp và sở hữu chung về tư liệu sản xuất.
- **Chế độ nô lệ:** Xuất hiện giai cấp chủ nô và nô lệ, sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.
- **Chế độ phong kiến:** Xuất hiện giai cấp địa chủ và nông nô, sở hữu đất đai và quan hệ sản xuất phong kiến.
- **Chế độ tư bản chủ nghĩa:** Xuất hiện giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- **Chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa:** Xóa bỏ giai cấp, sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

5. Vai trò của con người trong lịch sử

Mác-Lênin khẳng định rằng con người là chủ thể của lịch sử, là lực lượng sáng tạo ra lịch sử. Tuy nhiên, sự sáng tạo này không phải là ngẫu nhiên mà phụ thuộc vào các điều kiện vật chất và quan hệ xã hội cụ thể.

Những quy luật và quan điểm này cấu thành cơ sở lý luận cho việc phân tích và hiểu rõ quá trình vận động và phát triển của xã hội loài người trong triết học Mác-Lênin.

Câu 7. trình bày quy luật cơ bản tác động đến hình thái kinh tế xã hội

Các quy luật cơ bản tác động đến hình thái kinh tế xã hội là: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.

Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:

*Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất:

■ Sự phát triển của phương thức sản xuất bắt đầu từ sự thay đổi của lực lượng sản xuất, vốn có tính năng động và cách mạng. Quan hệ sản xuất, ngược lại, là hình thức xã hội của quá trình sản xuất và có tính ổn định tương đối.

■ Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất. Sự vận động và phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất được quy định bởi biện chứng giữa sản xuất và nhu cầu con người, sự phát triển công cụ lao động, vai trò của người lao động, và tính kế thừa trong lịch sử.

■ Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là yêu cầu khách quan. Khi lực lượng sản xuất phát triển, nó sẽ mâu thuẫn với sự ổn định của quan hệ sản xuất, đòi hỏi sự thay đổi để thiết lập quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn.

■ Lực lượng sản xuất quyết định sự xuất hiện của quan hệ sản xuất mới, ảnh hưởng đến nội dung và tính chất của nó. Con người, qua nhận thức và thực tiễn, phát hiện và giải quyết mâu thuẫn, tạo ra sự phù hợp mới, giúp quá trình sản xuất phát triển lên mức cao hơn.

* Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất:

- Vai trò của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất được thực hiện thông qua sự phù hợp biện chứng giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

- Sự tác động của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra theo hai chiều hướng, đó là thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

■ Mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất chuyển từ trạng thái phù hợp đến không phù hợp, rồi đến phù hợp mới ở mức cao hơn. Sự tác động này tạo nên lịch sử phát triển các phương thức sản xuất, từ cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa đến cộng sản chủ nghĩa.

■ Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, quy luật này có những đặc điểm riêng, đòi hỏi thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa dần loại trừ đối kháng xã hội. Sự phù hợp không tự động xảy ra mà cần sự nhận thức và vận dụng tự giác cao.

*** Ý nghĩa trong đời sống xã hội**

- Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng. Trong thực tiễn, muốn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ phát triển lực lượng sản xuất. Muốn xoá bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một quan hệ sản xuất mới phải căn cứ từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, từ tính tất yếu kinh tế, yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế, chống tùy tiện, chủ quan, duy tâm, duy ý chí.

- Nhận thức đúng đắn quy luật này có ý nghĩa rất quan trọng trong quán triệt, vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách, là cơ sở khoa học để nhận thức sâu sắc sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội:

*** Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng**

- Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, bởi vì, quan hệ vật chất quyết định quan hệ tinh thần; tính tất yếu kinh tế xét đến cùng quyết định tính tất yếu chính trị - xã hội. Mỗi cơ sở hạ tầng sẽ hình thành nên một kiến trúc thượng tầng tương ứng.

- Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng thể hiện trước hết ở chỗ, cơ sở hạ tầng với tư cách là cơ cấu kinh tế hiện thực của xã hội sẽ quyết định kiểu kiến trúc thượng tầng của xã hội ấy. Cơ sở hạ tầng không chỉ sản sinh ra một kiểu kiến trúc thượng tầng tương ứng - tức là quyết định nguồn gốc, mà còn quyết định đến cơ cấu, tính chất và sự vận động, phát triển của kiến trúc thượng tầng.

Trong xã hội có đối kháng giai cấp, giai cấp nào chiếm địa vị thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị trong đời sống chính trị, tinh thần của xã hội; mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế quyết định tính chất mâu thuẫn trong lĩnh vực tư tưởng của xã hội. Bởi vậy, cơ sở hạ tầng như thế nào thì cơ cấu, tính chất của kiến trúc thượng tầng là như thế ấy.

- Những biến đổi căn bản của cơ sở hạ tầng sớm hay muộn sẽ dẫn đến sự biến đổi căn bản trong kiến trúc thượng tầng. Sự biến đổi đó diễn ra trong từng hình thái kinh tế - xã hội, cũng như khi chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế - xã hội khác.

- Nguyên nhân của những biến đổi đó xét cho cùng là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, sự biến đổi đó tất yếu phải thông qua đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

*** Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng**

- Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng. Vai trò của kiến trúc thượng tầng chính là vai trò tích cực, tự giác của ý thức, tư tưởng. Vai trò của kiến trúc thượng tầng còn do sức mạnh vật chất của bộ máy tổ chức - thể chế luôn có tác động một cách mạnh mẽ trở lại cơ sở hạ tầng.

- Kiến trúc thượng tầng củng cố, hoàn thiện và bảo vệ cơ sở hạ tầng sinh ra nó; ngăn chặn cơ sở hạ tầng mới, đấu tranh xoá bỏ tàn dư cơ sở hạ tầng cũ; định hướng, tổ chức, xây dựng chế độ kinh tế của kiến trúc thượng tầng.

- Thực chất vai trò kiến trúc thượng tầng là vai trò bảo vệ duy trì, củng cố lợi ích kinh tế của giai cấp thống trị xã hội. Mặt khác, kiến trúc thượng tầng trong các xã hội có giai cấp còn đảm bảo sự thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp giữ địa vị thống trị về kinh tế.

- Tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng diễn ra theo hai chiều hướng.

- Trong đời sống xã hội, không chỉ quyền lực nhà nước tác động đến cơ sở hạ tầng, mà các bộ phận khác của kiến trúc thượng tầng như triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, những tác động này thường thông qua nhà nước, pháp luật và các thể chế tương ứng để phát huy hiệu lực.

- Dưới chủ nghĩa xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng có đặc điểm riêng. Để xác lập cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa, cần xoá bỏ cơ sở hạ tầng cũ qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa là tiền đề cho sự phát triển của cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa và phải dựa trên những đòi hỏi khách quan của phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cần đấu tranh chống lại tàn dư tư tưởng lạc hậu và âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

* Ý nghĩa trong đời sống xã hội

- Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là cơ sở khoa học cho việc nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

- Trong nhận thức và thực tiễn, nếu tách rời hoặc tuyệt đối hoá một yếu tố nào giữa kinh tế và chính trị đều là sai lầm. Tuyệt đối hoá kinh tế, hạ thấp hoặc phủ nhận yếu tố chính trị là rơi vào quan điểm duy vật tầm thường, duy vật kinh tế sẽ dẫn đến vô chính phủ, bất chấp kỷ cương, pháp luật và không tránh khỏi thất bại, đổ vỡ. Nếu tuyệt đối hoá về chính trị, hạ thấp hoặc phủ định vai trò của kinh tế sẽ dẫn đến duy tâm, duy ý chí, nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn và cũng không tránh khỏi thất bại.

Câu 8. chứng minh vì sao nói sự phát triển các hình thức kinh tế xã hội là 1 quá trình lịch sử tự nhiên

- Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng nấc thang lịch sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

- Cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội gồm ba yếu tố cơ bản, phổ biến: Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

+ Lực lượng sản xuất là nền tảng vật chất của xã hội, tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau, yếu tố xét đến cùng quyết định sự vận động, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội.

+ Quan hệ sản xuất là quan hệ khách quan, cơ bản, chi phối và quyết định mọi quan hệ xã hội, đồng thời là tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt bản chất các chế độ xã hội khác nhau.

+ Kiến trúc thượng tầng là sự thể hiện các mối quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực tinh thần, tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của đời sống xã hội.

- Sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội là do sự tác động tổng hợp của hai quy luật cơ bản là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất và quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.

(- Sự vận động, phát triển của xã hội bắt đầu từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển về chất, đòi hỏi phải thiết lập quan hệ sản xuất mới về chất. Sự phát triển về chất của quan hệ sản xuất tất yếu dẫn đến sự thay đổi về chất của cơ sở hạ tầng xã hội. Khi cơ sở hạ tầng xã hội biến đổi về chất dẫn đến sự biến đổi, phát triển căn bản (nhanh hay chậm, ít hoặc nhiều) của kiến trúc thượng tầng xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội cũ mất đi, hình thái kinh tế - xã hội mới, tiến bộ hơn ra đời.) **Có thể bỏ**

- Lịch sử xã hội loài người là một tiến trình nối tiếp nhau từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội: Cộng sản nguyên thủy - chiếm hữu nô lệ - phong kiến- tư bản chủ nghĩa - xã hội chủ nghĩa; trong đó, có sự thống nhất giữa quy luật chung cơ bản phổ biến với quy luật đặc thù và quy luật riêng của lịch sử

Tiến trình lịch sử xã hội loài người là kết quả của sự thống nhất giữa lôgic và lịch sử.

(+ Do sự chi phối của quy luật khách quan, lôgic của toàn bộ tiến trình lịch sử loài người là sự kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao. Đó là con đường tất yếu của tiến bộ lịch sử.

+ Mặt khác, sự phát triển của xã hội loài người còn mang tính lịch sử. Các hình thái kinh tế - xã hội như những trạng thái khác nhau về chất trong tiến trình lịch sử, với những điều kiện về không gian, thời gian cụ thể, với các tiêu chí về sự phát triển của lực lượng sản xuất, kiểu quan hệ sản xuất, kiểu kiến trúc thượng tầng của mỗi xã hội cụ thể.) **Có thể bỏ**

- Sự thống nhất giữa lôgic và lịch sử trong tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người bao hàm cả sự phát triển tuần tự đối với lịch sử phát triển toàn thể giới và sự phát triển “bỏ qua” một hay vài hình thái kinh tế - xã hội đối với một số quốc gia, dân tộc cụ thể. Bản chất của việc “bỏ qua” một hay vài hình thái kinh tế - xã hội, sự phát triển rút ngắn xã hội đó là rút ngắn các giai đoạn, bước đi của nền văn minh loài người mà cốt lõi là sự tăng trưởng nhảy vọt của lực lượng sản xuất.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh có những quốc gia phát triển tuần tự, nhưng có những quốc gia phát triển bỏ qua một hay vài hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Sự phát triển bỏ qua một hay vài hình thái kinh tế - xã hội nào đó xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan:

+ Nguyên nhân khách quan:

- Do quy luật phát triển không đều, trên thế giới thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn, đồng thời bên cạnh đó còn có những vùng, những quốc gia, dân tộc ở trình độ phát triển thấp, thậm chí rất thấp.
- Do sự giao lưu, hợp tác quốc tế mà giữa các trung tâm, các khu vực, các quốc gia xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử. + Nguyên nhân chủ quan: phụ thuộc vào nhân tố chủ quan của mỗi quốc gia, dân tộc: lịch sử, văn hóa, truyền thống, tương quan lực lượng chính trị của các giai cấp,...

Câu 9. Trình bày vấn đề CMXH

- Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay theo quan điểm của triết học Mác - Lênin là cơ sở khoa học cho vấn đề giành và giữ chính quyền trong cách mạng vô sản, phê phán các quan điểm sai trái.

- Trong thời đại ngày nay, cần nhận thức điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng xã hội đã có sự thay đổi to lớn. Điều kiện khách quan: các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân, tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ thì cũng kéo theo đó là hàng loạt các vấn đề về chính trị - xã hội: đạo đức, sinh thái, thất nghiệp...Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia phải phối hợp giải quyết: biến đổi khí hậu, vũ khí hạt nhân. Nhân tố chủ quan: giai cấp công nhân ở các nước tư bản từng bước phát triển, các chính đảng vô sản không ngừng được củng cố về mọi mặt.

- Xét một cách toàn diện, về điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, vẫn chưa chín muồi cho cuộc cách mạng vô sản vì: trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Giai cấp tư sản cũng tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm, điều chỉnh các lợi ích, ngăn chặn cách mạng xã hội.

- Dù không có các cuộc cách mạng xã hội tiêu biểu như trong lịch sử, thì tiến hóa xã hội, cải cách xã hội vẫn diễn ra, làm phát triển dần dần từng bộ phận, từng yếu tố, lĩnh vực trong đời sống xã hội. Thay đổi trước hết về lực lượng sản xuất rồi đến quan hệ sản xuất, từ đó dẫn đến thay đổi cơ cấu kinh tế xã hội tức cơ sở hạ tầng và do đó thay đổi các yếu tố trên kiến trúc thượng tầng xã hội dẫn đến thay đổi toàn bộ xã hội. Cách mạng xã hội sẽ diễn ra dưới hình thức chuyển hóa dần dần từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác tiến bộ hơn

Câu 10. Vì sao nói đấu tranh giai cấp là 1 trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp

1. Đấu tranh giai cấp là gì?

Khái niệm đấu tranh giai cấp được V.I.Lênin định nghĩa một cách khoa học như sau: “Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của một bộ phận nhân dân này chống một bộ phận khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước các quyền, bị áp bức và lao động, chống bọn đặc quyền đặc lợi, bọn áp bức và ăm bám, cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản”

2. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển chủ yếu của xã hội có giai cấp

Vai trò động lực của đấu tranh giai cấp không chỉ thể hiện rõ nhất qua các cuộc cách mạng xã hội long trời lở đất, mà còn được triết học Mác-Lênin nhìn nhận dưới một loạt các khía cạnh dưới đây:

Thứ nhất, đấu tranh giai cấp còn là động lực phát triển xã hội trong thời kỳ C.Mác nêu ví dụ điển hình ở nước Anh, rằng "... kể từ 1925 (nổ ra khủng hoảng "thừa" đầu tiên trong lịch sử phát triển TBCN – chú thích của chúng tôi), sự phát sinh và sử dụng máy móc chỉ là do kết quả của đấu tranh của các chủ xí nghiệp và công nhân". Xét đến cùng thì điều đó vẫn đúng đối với cả cách mạng khoa – công nghệ trong điều kiện của CNTB hiện đại ngày nay.

Thứ hai, các cải cách xã hội tiến bộ nhất định mà các giai cấp thống trị lỗi thời thực hiện không phải là "ban ơn", mà chính là kết quả đấu tranh bền bỉ của quần chúng lao động cùng với các lực lượng tiến bộ trong nước và trên thế giới.

Thứ ba, đấu tranh giai cấp đặc biệt để lại những dấu ấn sâu sắc trong lĩnh vực tinh thần tinh tế và nhạy cảm của đời sống xã hội là lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, và cũng là động lực mạnh mẽ của lĩnh vực này.

Thứ tư, đấu tranh giai cấp chẳng những có tác động cải tạo xã hội, xóa bỏ các lực lượng lỗi thời và phản động, mà còn cải tạo chính bản thân các giai cấp cách mạng. Thứ năm, đấu tranh giai cấp không phải là động lực duy nhất của xã hội có giai cấp, nhưng là động lực mạnh mẽ nhất và trực tiếp nhất của xã hội có giai cấp. Các cuộc đấu tranh khác như đấu tranh dân tộc, đấu tranh tôn giáo... như nhận xét của Ăngghen – đều phản ánh ít nhiều đấu tranh giai cấp.

Câu 8 (làm lại). Vì sao nói sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên?

1. Phạm trù Hình thái kinh tế - xã hội

Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy. Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống hoàn chỉnh, có cấu trúc phức tạp, bao gồm: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

2. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

Với kết luận "Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" (1). C.Mác đã tìm thấy động lực phát triển của lịch sử không phải do một lực lượng siêu tự nhiên nào, mà chính là thông qua hoạt động của con người dưới sự tác động của các quy luật khách quan. Do đó, cần phải hiểu kết luận này từ hai khía cạnh khác nhau:

Thứ nhất, kết luận ấy của C.Mác là biểu hiện tập trung nhất của quan niệm duy vật về lịch sử và được xuất phát từ một sự thật hiển nhiên là: "Trước hết

con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải lao động, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học v.v.”(2). Từ sự thật hiển nhiên ấy, cho phép chúng ta khẳng định rằng, lịch sử phát triển của xã hội loài người thực chất là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất. Để thoả mãn nhu cầu trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, loài người phải tiến hành sản xuất ra của cải vật chất.

Thứ hai, động lực thúc đẩy các hình thái kinh tế - xã hội phát triển lại nằm ngay trong lòng xã hội. Đó chính là các mâu thuẫn xã hội, mà trước hết là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mâu thuẫn giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, mâu thuẫn giữa các giai cấp (trong xã hội có giai cấp)... Chính sự tác động của các quy luật khách quan làm cho các hình thái kinh tế - xã hội thay thế nhau là con đường phát triển chung của lịch sử xã hội loài người.

Như vậy, nếu chúng ta quy các quan hệ xã hội vào các quan hệ sản xuất, rồi đem quy các quan hệ sản xuất vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thì sẽ thấy được sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội như là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Câu 11. Trình bày vấn đề nhà nước. Vì sao nói nhà nước CHXH chủ nghĩa là nhà nước cuối cùng trong lịch sử, nhà nước nửa nhà nước, nhà nước tự tiêu vong. Giai cấp và nhà nước có cùng tồn tại cùng với lịch sử nhân loại hay không? Vì sao?

1. Vấn đề nhà nước:

Nguồn gốc nhà nước: bằng phương pháp duy vật lịch sử, học thuyết Mác - Lênin đã khẳng định, nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó luôn mang dấu ấn của một quốc gia cụ thể, và sự ra đời, biến đổi của các hình thái nhà nước khác nhau là do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định.

Bản chất của nhà nước: nhà nước mang bản chất giai cấp, nó được thiết lập, xây dựng trước hết để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Song, không phải giai cấp nào cũng có thể nắm được chính quyền nhà nước, sứ mệnh đó chỉ thuộc về giai cấp nào thống trị về mặt kinh tế, do đó là giai cấp được xã hội “thừa nhận là đại biểu chung của xã hội”.

Đặc trưng của nhà nước:

Nhà nước quản lý cư dân trên một vùng lãnh thổ nhất định:

- Phân chia thần dân trong quốc gia theo sự phân chia lãnh thổ
- Hình thành biên giới quốc gia giữa các nhà nước với tư cách là một quốc gia - dân tộc

Nhà nước có hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên:

- Các cơ quan quyền lực giúp nhà nước thực hiện chức năng trấn áp sự phản kháng của các giai cấp khác
- Nhà nước quản lý xã hội dựa vào pháp luật là chủ yếu. Nhà nước sử dụng phương thức “cưỡng bức” mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội phải thực hiện các chính sách theo hướng có lợi cho giai cấp thống trị.

Nhà nước có hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy chính quyền:

- Muốn bộ máy nhà nước hoạt động thì phải có nguồn tài chính. Nguồn tài chính được nhà nước huy động chủ yếu là do thu thuế, sau đó là quốc trái thu được do sự cưỡng bức hoặc do sự tự nguyện của công dân.

Chức năng cơ bản:

+ Về bản chất, nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp thống trị, song để duy trì xã hội trong vòng “trật tự”, nhà nước đồng thời phải thực hiện nhiều chức năng như:

+ Chức năng thống trị chính trị của nhà nước: Nhà nước là công cụ duy trì sự thống trị của giai cấp thống trị thông qua hệ thống chính sách và pháp luật, đàn áp mọi sự phản kháng của giai cấp bị trị nhằm bảo vệ địa vị và quyền lợi của giai cấp thống trị.

+ Chức năng xã hội của nhà nước: nhà nước nhân danh xã hội làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về xã hội, điều hành các công việc chung của xã hội để duy trì sự ổn định của xã hội trong “trật tự” theo quan điểm của giai cấp thống trị.

Mối quan hệ giữa chức năng thống trị chính trị và chức năng xã hội của nhà nước: chức năng thống trị chính trị của nhà nước giữ vai trò quyết định, chi phối và định hướng chức năng xã hội của nhà nước và chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị => chức năng thống trị chính trị và chức năng xã hội của nhà nước luôn có mối quan hệ hữu cơ với nhau.

Mối quan hệ giữa chức năng đối nội và chức năng đối ngoại của nhà nước: là hai mặt của một thực thể thống nhất, hỗ trợ và tác động lẫn nhau và chức năng đối nội của nhà nước giữ vai trò chủ yếu. Khi chức năng đối ngoại được thực hiện tốt thì chức năng đối nội lại càng có điều kiện thực hiện

Sự phân định các chức năng của nhà nước chỉ có ý nghĩa tương đối.

Các kiểu và hình thức nhà nước:

Nhà nước tồn tại rất phong phú và đa dạng, để dễ nhận biết, cần phải phân loại thành kiểu và hình thức của nhà nước. Đã từng tồn tại bốn kiểu nhà nước

trong lịch sử: nhà nước chủ nô quý tộc, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước vô sản.

Giống nhau: đều là công cụ thống trị của giai cấp thống trị.

Khác nhau: nhà nước vô sản là nhà nước đặc biệt, nhà nước của số đông thống trị số ít.

Hình thức nhà nước: cách thức tổ chức, phương thức thực hiện quyền lực nhà nước của giai cấp thống trị. Hình thức nhà nước chịu sự quy định của nhiều yếu tố khác nhau

Trong kiểu nhà nước chủ nô quý tộc thời đại chiếm hữu nô lệ ở phương Tây từng tồn tại nhiều hình thức nhà nước khác nhau như: nhà nước quân chủ chủ nô, nhà nước cộng hòa dân chủ chủ nô

Thời trung cổ, giai cấp địa chủ, phong kiến nắm trong tay quyền thống trị xã hội. Nhà nước tồn tại dưới hai hình thức cơ bản là nhà nước phong kiến tập quyền và nhà nước phong kiến phân quyền

Trong xã hội tư bản tồn tại nhiều hình thức nhà nước như: chế độ cộng hòa, chế độ cộng hòa đại nghị, chế độ cộng hòa tổng thống, chế độ cộng hòa thủ tướng, chế độ quân chủ lập hiến, nhà nước liên bang...

Kiểu nhà nước vô sản là kiểu nhà nước “đặc biệt”, là nhà nước của số đông thống trị số ít. Kiểu nhà nước vô sản tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau với các tên gọi như: Công xã Paris ở Pháp năm 1871, Xôviết ở Nga năm 1917, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên

Vì sao nhà nước XHCN là nhà nước cuối cùng trong lịch sử?

Trong lịch sử xã hội có giai cấp đã tồn tại bốn hình thái kinh tế xã hội: Chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, Phù hợp với bốn hình thái kinh tế xã hội đó đã có bốn kiểu nhà nước:

- **Kiểu nhà nước chủ nô:** Xã hội thường phân chia rõ ràng thành các tầng lớp, với các nhóm giai cấp cơ sở thường bị bóc lột và không có quyền lợi đầy đủ.

- **Kiểu nhà nước phong kiến:** Quyền lực thường được kế thừa qua dòng họ và quy định bởi các quy tắc của tầng lớp quý tộc. Công bằng và sự bình đẳng thường không được tôn trọng, và những người lao động thường bị bóc lột.

- **Kiểu nhà nước tư sản:** Các chính sách thường được thiết kế để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của tư sản, trong khi người lao động thường phải đối mặt với sự bóc lột và bất bình đẳng.

- **Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa:** là xã hội không phân biệt giai cấp, và mọi người được coi là bình đẳng. Tư liệu sản xuất được sở hữu chung và được quản

lý một cách cộng đồng. Mục tiêu chính của nhà nước xã hội chủ nghĩa là đảm bảo sự công bằng, phân phối công bằng các nguồn lực, và thúc đẩy sự phát triển chung cho mọi người.

Các kiểu nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản mặc dù mỗi kiểu có những đặc điểm riêng nhưng chúng đều là những kiểu nhà nước bóc lột được xây dựng trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

Trong khi đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa hướng đến mục tiêu khác biệt: xây dựng một xã hội không phân biệt giai cấp, nơi mà mọi người được coi là bình đẳng và có quyền lợi tương đương. Sự khác biệt quan trọng nhất giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa và các loại nhà nước trước đó nằm ở cách quản lý quyền lực và tài nguyên. Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, quyền lực được chuyển giao cho công nhân và giai cấp lao động, trong khi tài nguyên sản xuất được sở hữu chung và được quản lý một cách cộng đồng. Điều này thể hiện sự tiến bộ và lý tưởng hóa về một xã hội hoàn thiện hơn, tạo ra một môi trường xã hội với sự công bằng, sự chia sẻ tài nguyên và quyền lợi công bằng cho mọi người.

Việc coi nhà nước xã hội chủ nghĩa là "nhà nước cuối cùng trong lịch sử" là một tuyên bố về sự tiến bộ và sự tiến hóa của xã hội. Nó cho thấy một mục tiêu cuối cùng của sự phát triển xã hội, một lý tưởng mà con người đã từng hướng đến và hy vọng. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa được xem là một kiểu nhà nước mới tiến bộ nhất nhưng cũng là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử. Sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ tiêu vong và sau đó sẽ không còn một kiểu nhà nước nào khác nữa.

Vì sao nhà nước XHCN là nhà nước nửa nhà nước, nhà nước tự tiêu vong?

- Nhà nước "nửa nhà nước" :

- Trong quan điểm của mác - xít, nhà nước là một bộ máy cai trị của giai cấp thống trị có chức năng giai cấp và chức năng xã hội luôn thống nhất và quan hệ biện chứng với nhau. Khi chức năng giai cấp yếu thì chức năng xã hội mạnh và ngược lại, cho nên, khi chức năng giai cấp yếu đi thì chức năng xã hội ngày một mạnh hơn và đến khi chức năng giai cấp không còn nữa (khi xã hội không còn giai cấp) thì nhà nước chỉ còn chức năng xã hội, lúc đó nhà nước không còn bản chất của bộ máy cai trị của giai cấp thống trị nữa hay có thể gọi với thuật ngữ "nửa nhà nước".

- Nhà nước XHCN là nhà nước "nửa nhà nước":

-V.I.Lênin cho rằng trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, sự trấn áp vẫn còn tất yếu, nhưng nó đã là sự trấn áp của đa số bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột. Cơ quan đặc biệt là "nhà nước" vẫn còn cần thiết,

nhưng nó đã là nhà nước quá độ, mà không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa” (1)

- Trong xã hội chủ nghĩa, với những đặc trưng cơ bản về kinh tế (chế độ công hữu về tư liệu sản xuất cơ bản) và xã hội (giai cấp công nhân là giai cấp thống trị, nhưng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là thống nhất với nhau; làm theo năng lực, hưởng theo lao động) của mình, vì thế trong xã hội này, chức năng xã hội của nhà nước nổi trội hơn cả hay nói cách khác chức năng giai cấp của nhà nước ngày một yếu đi, chức năng xã hội của nhà nước ngày một mạnh hơn. Đây là những biểu hiện cho thấy, nhà nước xã hội chủ nghĩa không còn “nguyên bản” nữa mà trở thành nhà nước “nửa nhà nước” vì đã chuyển dần sang thiết chế tự quản, phi giai cấp.

- Nhà nước XHCN là nhà nước tự tiêu vong:

- Theo các nhà kinh điển mác - xít, cơ sở xã hội cho sự ra đời, tồn tại của nhà nước là mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được và cơ sở kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, vì thế khi những cơ sở xã hội và kinh tế này mất đi thì nhà nước - “bộ máy cai trị”(2) của giai cấp thống trị sẽ mất đi: “Giai cấp tiêu vong thì nhà nước cũng tiêu vong”.

- Nhà nước sẽ có thể tiêu vong hoàn toàn khi xã hội đã thực hiện được nguyên tắc: “làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu”, nghĩa là khi con người tôn trọng những quy tắc cơ bản của đời sống chung trong xã hội, và năng suất lao động đã lên cao đến mức con người sẽ tự nguyện làm hết năng lực”(3).

- Căn cứ vào những điều trên có thể thấy quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện mà dân chủ xã hội chủ nghĩa càng hoàn thiện bao nhiêu, càng nhanh tới ngày tiêu vong bấy nhiêu vì tính chính trị và tính giai cấp của dân chủ sẽ mất đi dựa trên cơ sở không ngừng mở rộng dân chủ đối với nhân dân, xác lập địa vị chủ thể quyền lực của nhân dân, tạo điều kiện để họ tham gia ngày càng đông đảo và ngày càng có ý nghĩa quyết định vào sự quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Giai cấp và nhà nước có cùng tồn tại cùng với lịch sử nhân loại hay không? Vì sao?

Giai cấp:

- *Định nghĩa giai cấp:*
 - “Được gọi là giai cấp, là những tập đoàn người to lớn, khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, về quan hệ của họ đối với những tư liệu sản xuất (thường thì những quan hệ này được pháp luật quy định và thừa nhận), về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và do đó khác nhau về cách thức hưởng thụ phần của cải xã hội ít hay nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà một tập đoàn có thể chiếm đoạt lao động của các tập đoàn khác, do địa vị khác nhau của họ trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”

- **Nguyên nhân hình thành giai cấp:**
 - Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện giai cấp là sự phát triển của lực lượng sản xuất làm cho năng suất lao động tăng lên, xuất hiện “của dư”, tạo khả năng khách quan, tiền đề cho tập đoàn người này chiếm đoạt lao động của tập đoàn người khác.
 - Nguyên nhân trực tiếp đưa tới sự ra đời của giai cấp là xã hội xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở trực tiếp của sự hình thành các giai cấp.
 - Chừng nào, ở đâu còn tồn tại chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì ở đó còn có sự tồn tại của các giai cấp và đấu tranh giai cấp

Nhà nước:

- Nhà nước là một hiện tượng xã hội, tồn tại trong các xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Do nhận thức, lợi ích giai cấp khác nhau, phương pháp tiếp cận khác nhau nên trong lịch sử tư tưởng của nhân loại đã có nhiều cách hiểu khác nhau về nhà nước xoay quanh những vấn đề cơ bản như: nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước, cách phân loại các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử,...

Trả lời câu hỏi:

- Vì nhà nước là hiện tượng xã hội tồn tại trong các xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp, vậy nên ở đâu có nhà nước, ở đó có giai cấp, chúng có tồn tại cùng nhau trong lịch sử nhân loại.
- Trong lịch sử của nhân loại, mối quan hệ giữa giai cấp và nhà nước đã luôn tồn tại, những cách tồn tại và tương tác giữa chúng thay đổi theo thời gian và theo các mô hình xã hội và chính trị khác nhau. Các hình thức tổ chức chính trị mà ta gọi là nhà nước có thời điểm không tồn tại, tuy nhiên có sự tồn tại của các tổ chức chính trị có tính chất tương đương.
- Ở thời kì sơ khai, khi tư hữu về tư liệu sản xuất chưa xuất hiện thì giai cấp vẫn tồn tại trong các tổ chức chính trị có tính chất tương đương nhà nước nhưng dựa trên các yếu tố khác.
- Vậy nên nếu xét nhà nước và giai cấp theo định nghĩa hiện đại thì chúng không cùng tồn tại với lịch sử nhân loại tại thời điểm chưa xuất hiện tư hữu về tư liệu sản xuất. Còn nếu xét nhà nước và giai cấp theo các định nghĩa tương đương thì chúng có tồn tại cùng với lịch sử nhân loại

Câu 14. vì sao nói bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội? xây dựng con người VN hiện nay như thế nào?

Theo Các- Mác: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Các mối quan hệ đó quy định bản chất xã hội của cá nhân. Nhân cách là sản phẩm của mối quan hệ xã hội đồng thời là người sáng tạo và xây dựng mối quan hệ đó”.

Là con người hiện thực, cụ thể-cảm tính. Con người với tư cách là một tổng thể tồn tại bao gồm cả mặt tự nhiên và mặt xã hội. Đó là một “sinh vật” có tính loài, có ý thức, là “động vật xã hội”, “động vật chế tạo công cụ” và “tự nhận thức được mình”. Vì vậy con người ở đây là con người làm chủ tự nhiên và xã hội. Con người

đã đặt mọi sự vật hiện tượng của thế giới hiện thực vào phạm vi nhận thức của mình, do đó nó đã trở thành chủ thể của nhận thức, đồng thời cũng là khách thể của nhận thức.

2. Bản chất của con người:

Bản chất chính là cái chung của con người. Trong mỗi giai đoạn lịch sử bản chất con người lại là những đặc điểm riêng. Giữa cái chung và cái riêng luôn luôn chuyển hoá lẫn nhau. Ở thời đại khác nhau con người cũng khác nhau bởi vì, xã hội loài người luôn luôn vận động từ hình thái kinh tế-xã hội này sang hình thái kinh tế-xã hội khác nên con người cũng phải biến đổi cho phù hợp. Con người ở thời đại nào thì mang dấu ấn của thời đại ấy. Trong xã hội có giai cấp, bản chất con người mang tính giai cấp, bản chất với tư cách là một bộ phận của toàn thể xã hội không trực tiếp gắn với xã hội nữa, mà thuộc về các giai cấp nhất định trong xã hội.

Theo Mác bản chất con người không phải là một cái gì trừu tượng mà là sản phẩm của tự nhiên, của xã hội, mang tính lịch sử cụ thể, con người hiện thực, đó là con người cụ thể, cảm tính, bản chất của con người hiện ra, tồn tại và phát triển trong lao động sản xuất, chinh phục tự nhiên cải tạo xã hội, sự tồn tại hiện thực của con người không thể tách rời các mối quan hệ xã hội. Tiêu biểu nhất trong các mối quan hệ xã hội của con người là hoạt động sản xuất để đáp ứng những yêu cầu đầu tiên, mặt khác là duy trì sự sống của mỗi cá nhân, một mặt được coi là quan hệ tự nhiên mặt khác là quan hệ xã hội. Ngay từ khi con người có hành vi sản xuất ra của cải vật chất để tồn tại thì đồng thời cũng làm nảy sinh các quan hệ giữa các cá nhân. Đây là những quan hệ do lịch sử quy định và vì vậy quan hệ giao tiếp giữa các cá nhân trong xã hội là nhu cầu tất yếu.

3. Bản chất con người - Tổng hoà các mối quan hệ xã hội:

Các quan hệ xã hội là những quan hệ giữa cộng đồng xã hội của con người, xuất hiện trong quá trình sản sinh và tái sản sinh ra bản thân con người với tư cách là chủ thể xã hội hoàn chỉnh.

Yếu tố đặc trưng trong nhân cách con người- yếu tố đặc thù để phân biệt con người và vật. Xét bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội tức là xem con người với tất cả các quan hệ xã hội của nó không những chỉ những quan hệ xã hội đã có từ trước người đang sống mà cả những quan hệ xã hội đã có từ trước kia trong một tổng thể với những mối liên hệ biện chứng, bởi vì trong lịch sử của mình, con người bắt buộc phải kế thừa những di sản, những truyền thống đã thúc đẩy con người vươn lên hay ngược lại.

Theo C Mác, bản chất con người không phải là sinh thành bất biến mà có sự vận động, phát triển phù hợp với sự biến đổi của hoàn cảnh, của thời đại. Cụ thể là bản chất xã hội của con người luôn luôn thay đổi cùng với

năm cách sản xuất lớn với những chế độ chính trị khác nhau. Mỗi con người dù muốn hay không, vừa cất tiếng khóc chào đời đã bị khoắc bởi cái áo xã hội họ đang sống, đó là những mối quan hệ xã hội

4. Ví dụ:

Bản thân mỗi người có rất nhiều mối quan hệ khác nhau như quan hệ với gia đình, bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp,... Những mối quan hệ ấy tồn tại một cách khách quan, không ai có thể tồn tại mà không có bất kì một mối quan hệ xã hội nào cả.

Mỗi cá nhân đảm nhiệm không chỉ có một vai trò mà là nhiều vai trong xã hội: họ có thể vừa là giáo viên, vừa là một người bố, và là thành viên câu lạc bộ... những mối quan hệ trong xã hội được hình thành trong cuộc sống, bất kì ai cũng có những mối quan hệ trong xã hội.

5. Bài học rút ra:

Để phát triển bản thân thì cần phải chú trọng cả các mối quan hệ xã hội. Các mối quan hệ xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định bản chất của con người.

Xây dựng con người VN hiện nay:

Trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, con người ngày càng có điều kiện phát triển toàn diện. Để tiếp tục đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ngày một giàu mạnh, việc xây dựng con người mới Việt Nam đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước là nhiệm vụ có tính cấp bách.

Con người trước hết là sản phẩm của lịch sử, mang những dấu ấn đặc trưng của thời đại mà mình sinh sống. Trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay, con người có điều kiện phát huy năng lực của bản thân và cũng được chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần. Song, để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, đặc biệt khi đất nước đã và đang bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức, hiện nay là cuộc cách mạng 4.0, con người với tư cách là sản phẩm của sự nghiệp đổi mới phải không ngừng nâng cao tư duy, phẩm chất và sức khỏe của bản thân mình để có đủ tri thức và kỹ năng cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc. Tuy nhiên, con người không chỉ là sản phẩm của xã hội, mà còn là chủ thể cải tạo, làm thay đổi xã hội. Vai trò chủ thể của con người trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thể hiện ở việc chính họ dần dần tạo ra những biến chuyển đó. Những thành tựu to lớn mà đất nước ta có được trong thời gian qua chính là do con người tạo dựng nên. Không có sự đoàn kết nhất trí, sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ con người Việt Nam thì sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Đảng ta khởi xướng khó lòng có thể thành công được.

Kết quả của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng chính là minh chứng sinh động tính đúng đắn của đường lối xuất phát từ con người, vì con người. Vì lý do đó, việc phát huy nguồn lực con người phải được coi là vấn đề chiến lược, là yêu cầu cấp bách để của sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.